



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khách Sạn Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	30,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.8%	28.2%	3.4%

DT thuần Q3/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.10 -9.1%
YoY: ▲ 1.00 9.5%

LN thuần Q3/25
5.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.69 48.4%
YoY: ▲ 1.85 55.6%

LN sau thuế Q3/25
4.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.39 50.8%
YoY: ▲ 1.48 55.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
45.9%
YoY: +/-▲ 18.0%

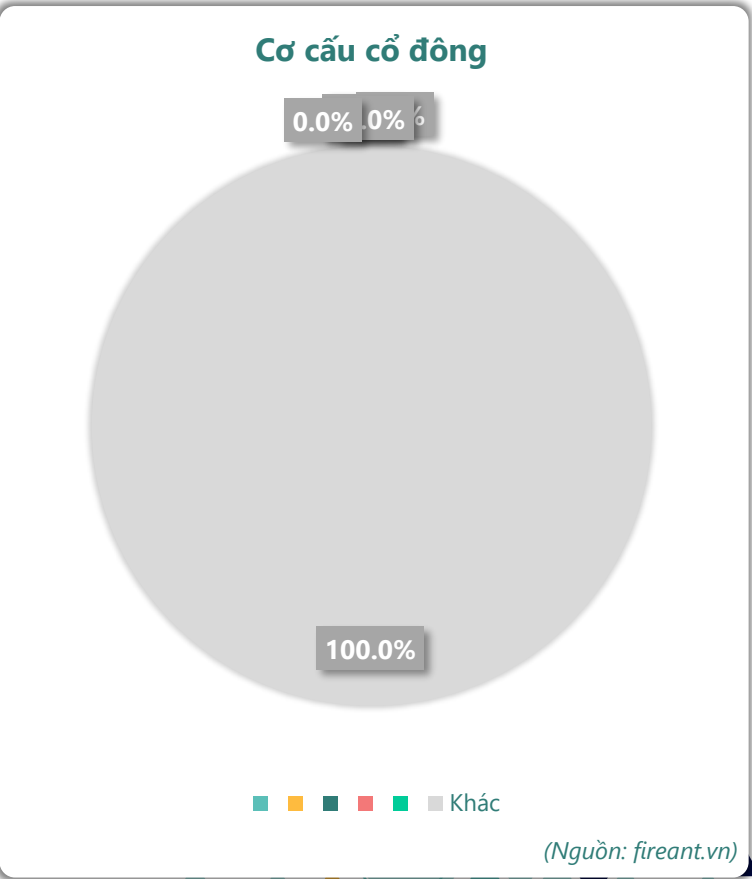
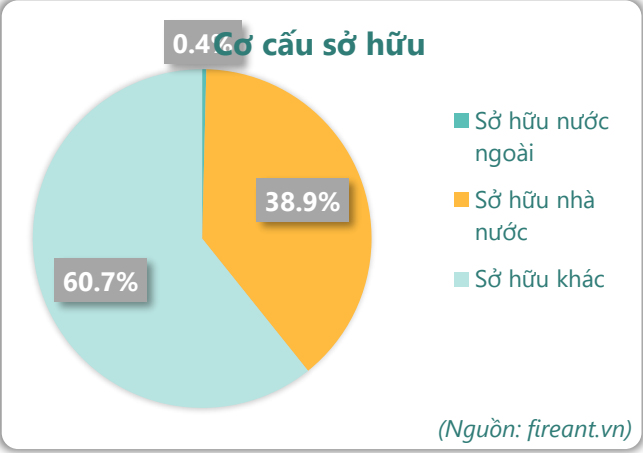
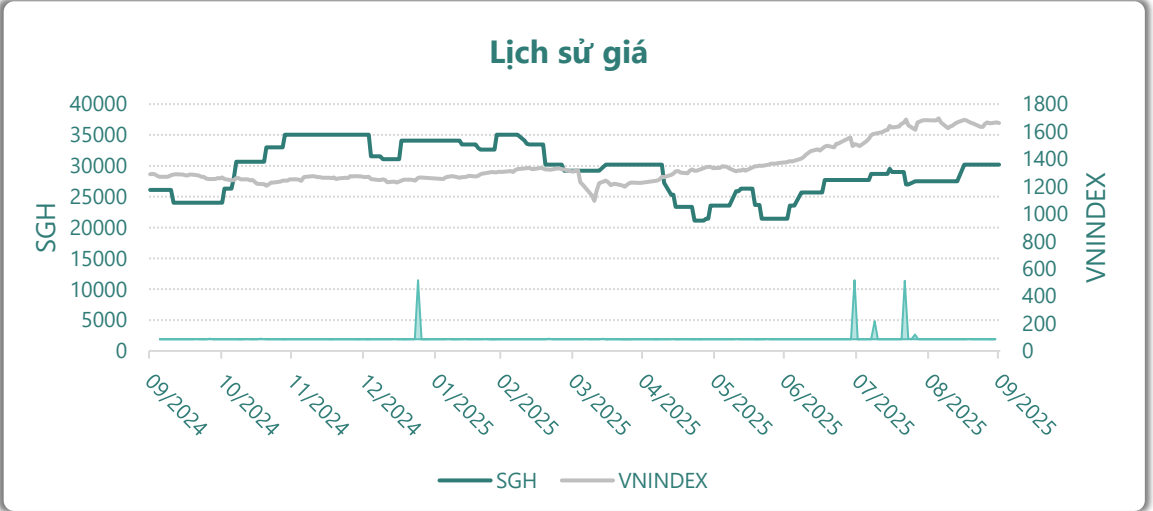
ROE (TTM) Q3/25
12.1%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	21,125 - 35,045
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
Số lượng CPLH (CP)	12,364,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.16
EPS	1,365
P/E	22.1

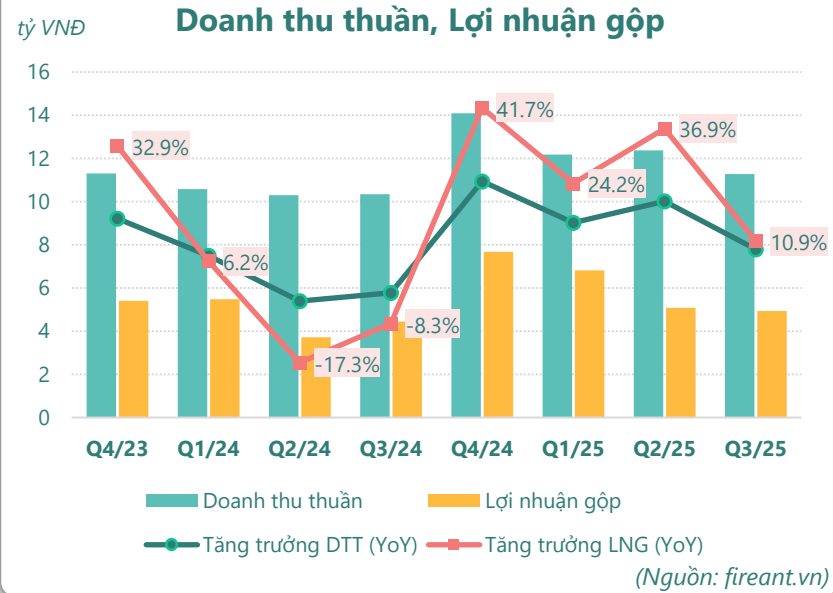
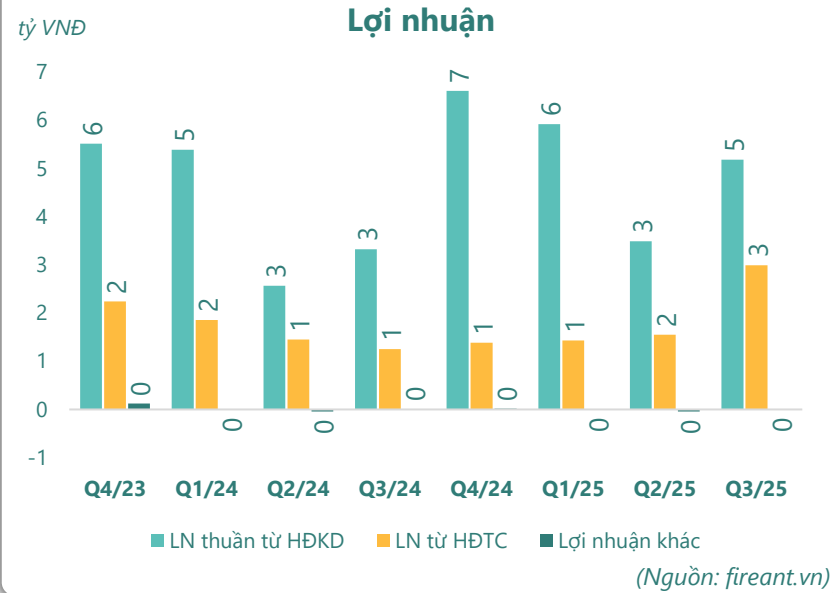
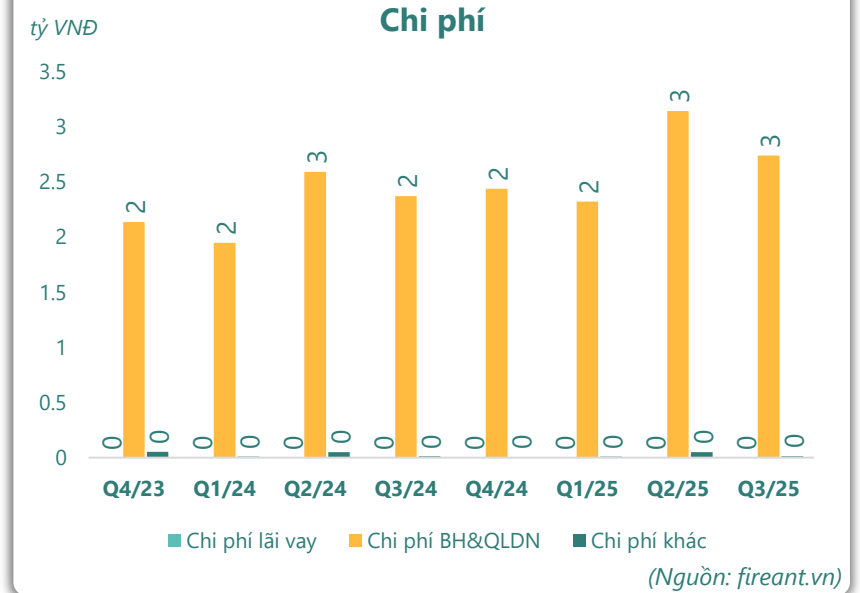
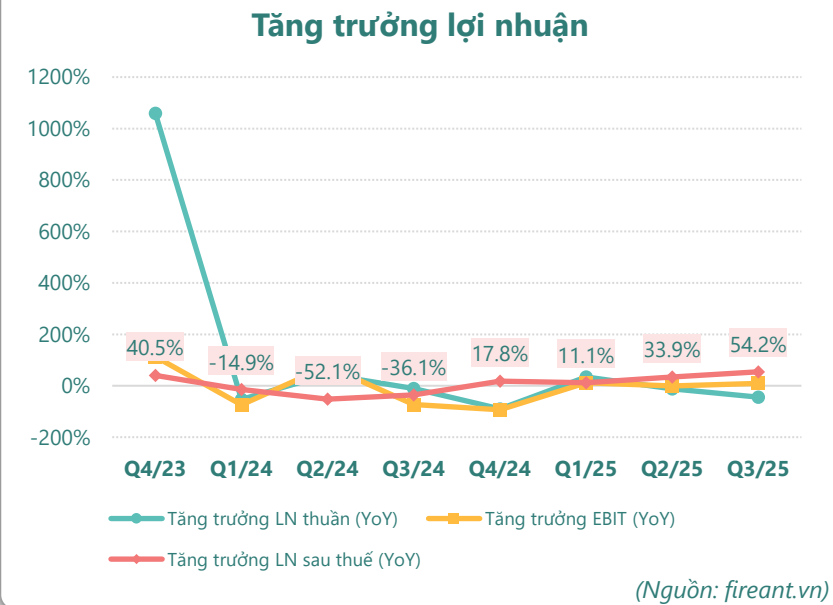
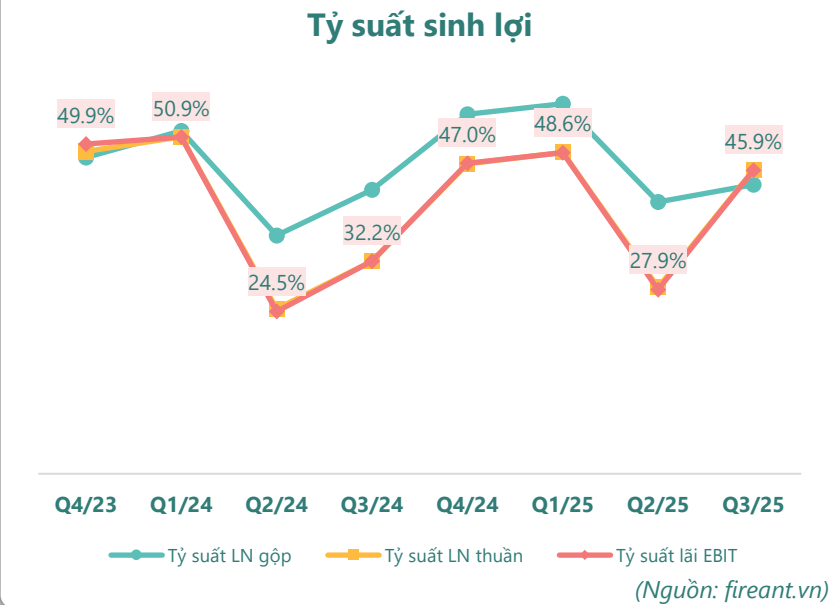
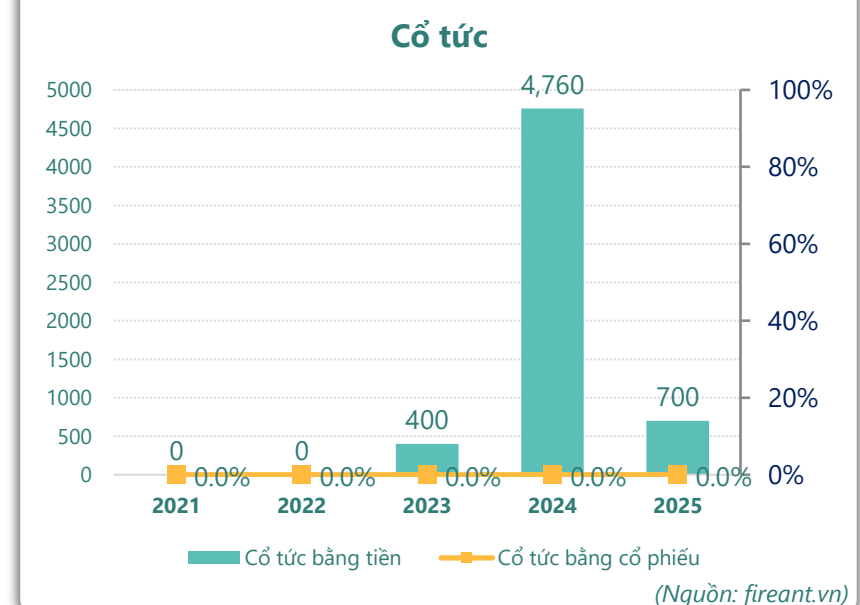
DT thuần 9T 2025
35.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.60 14.7%

LN thuần 9T 2025
14.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30 29.3%

LN sau thuế 9T 2025
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.64 29.4%



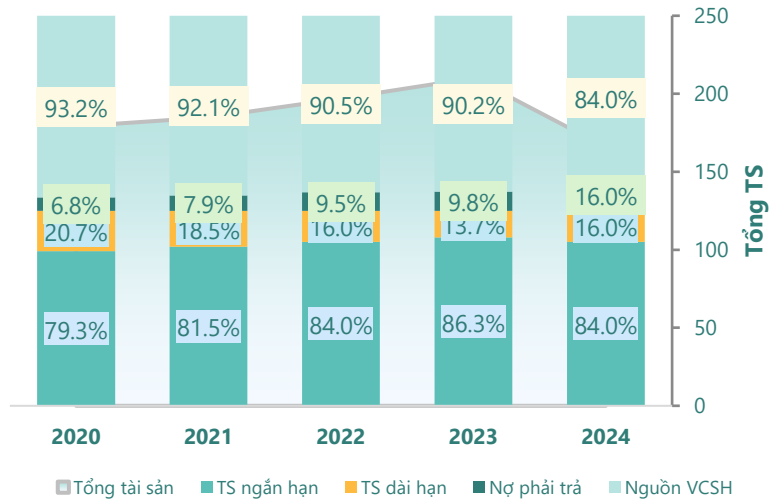
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

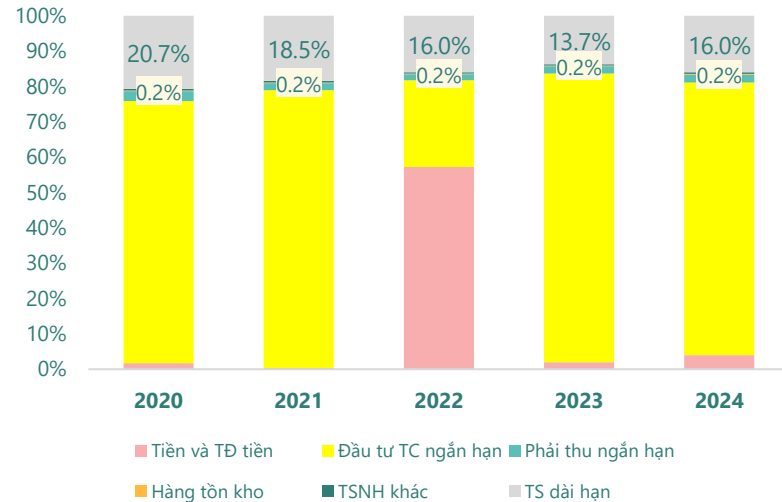
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

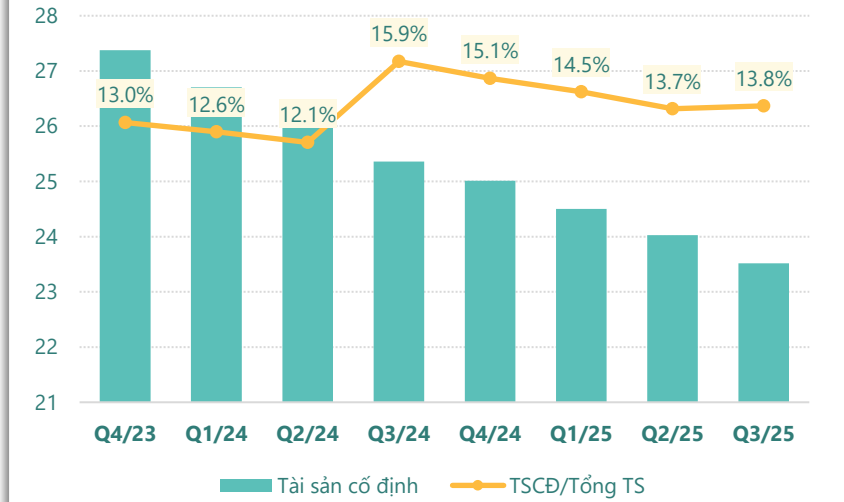
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

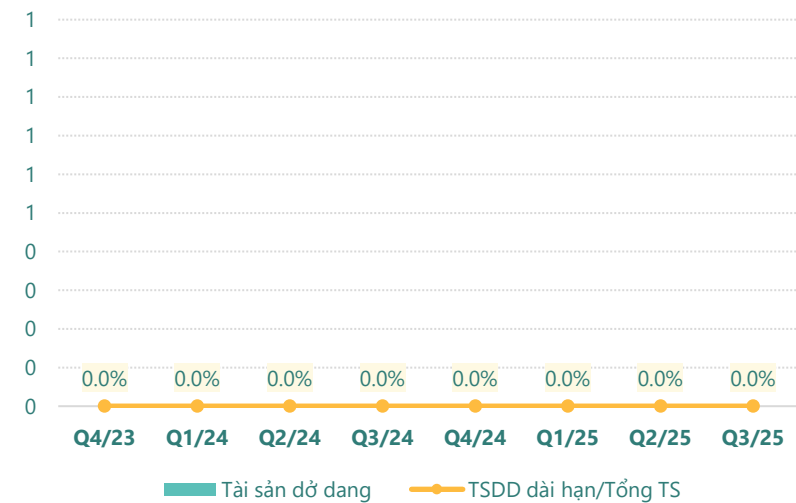
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

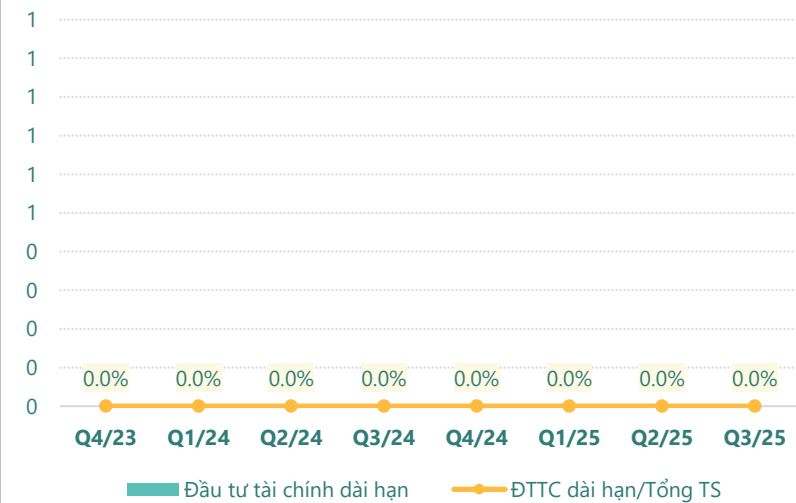
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

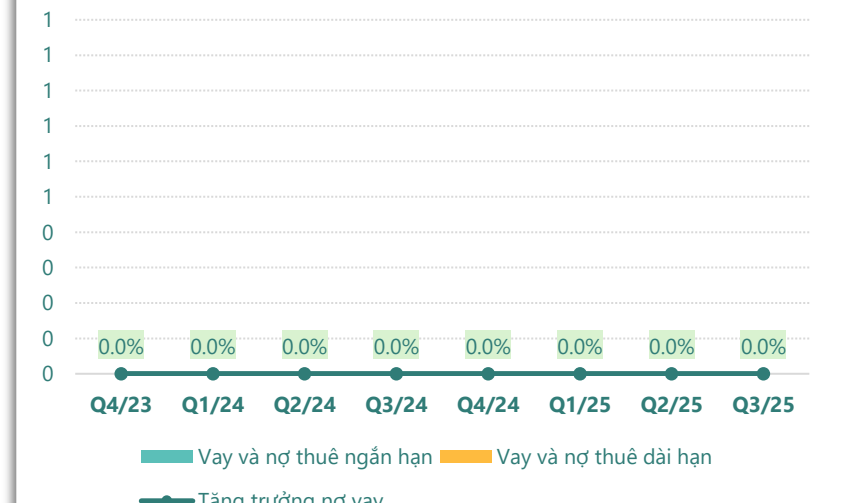
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

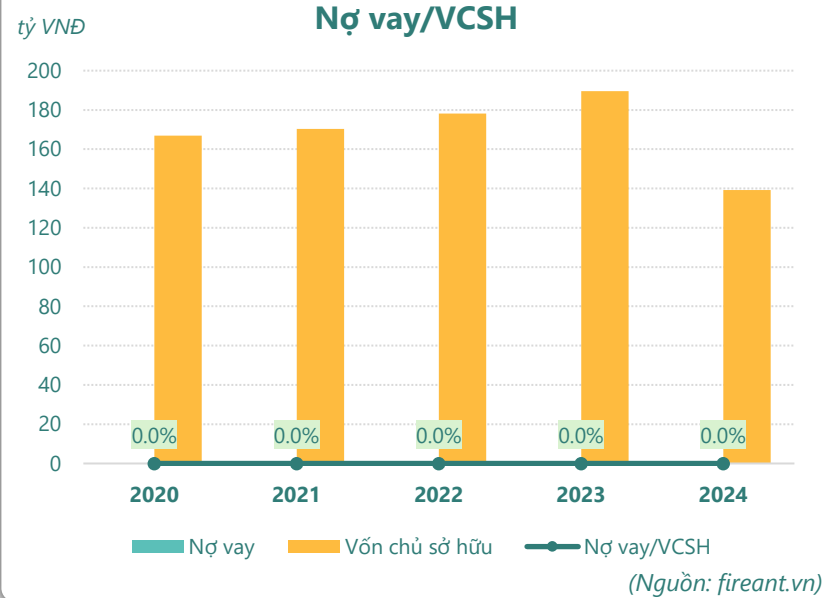
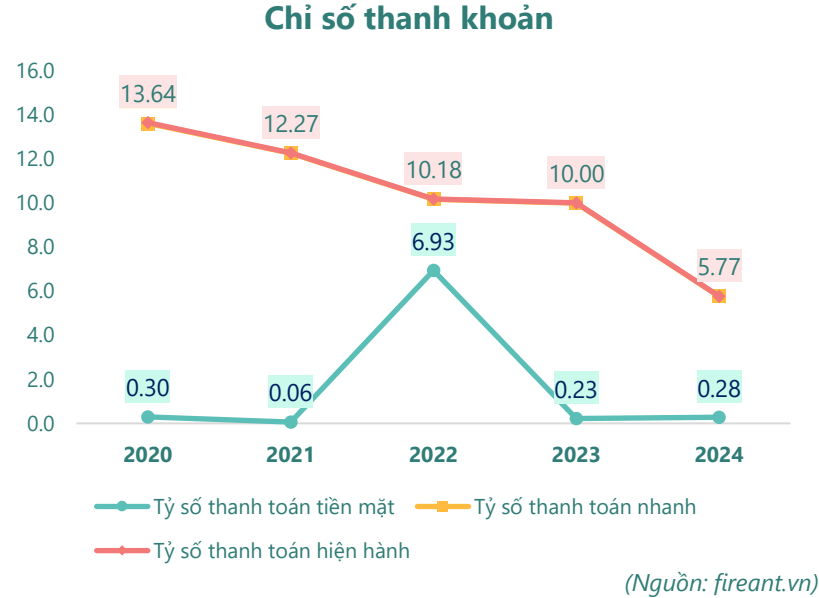
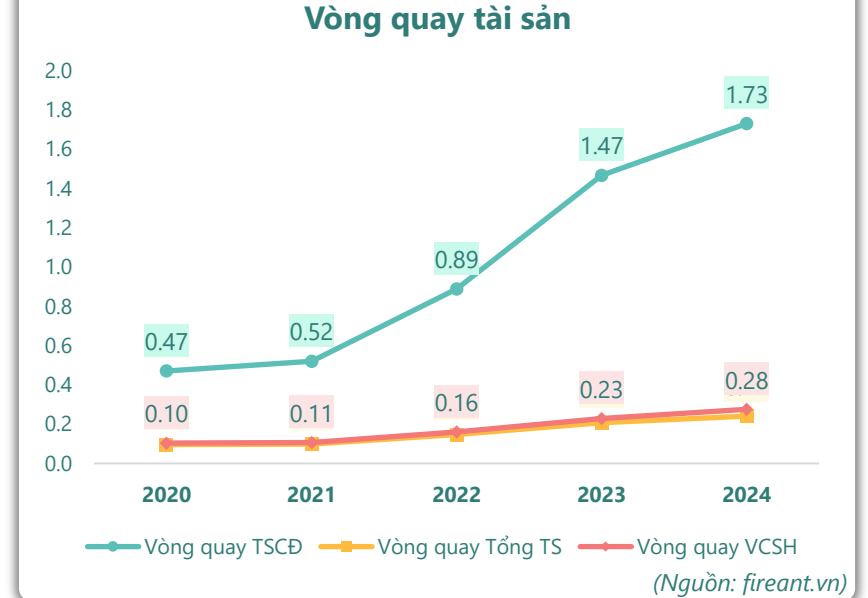
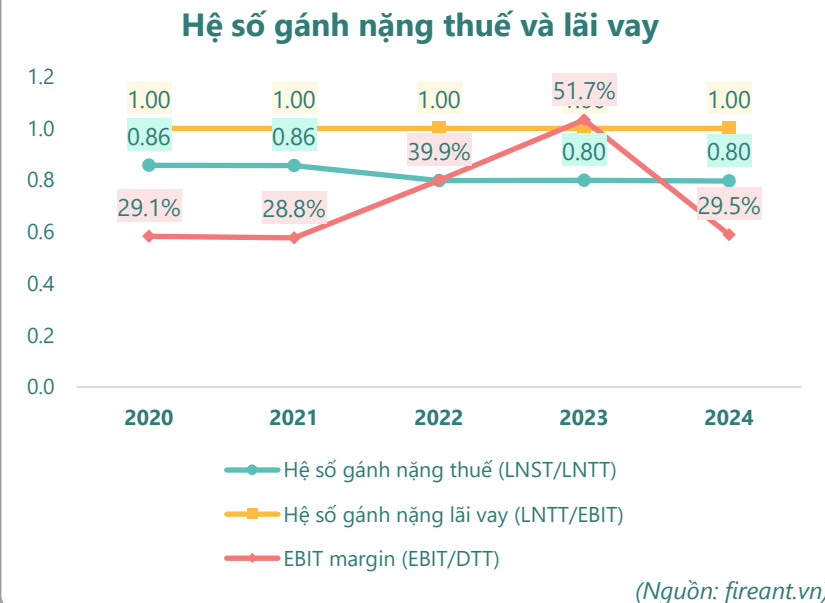
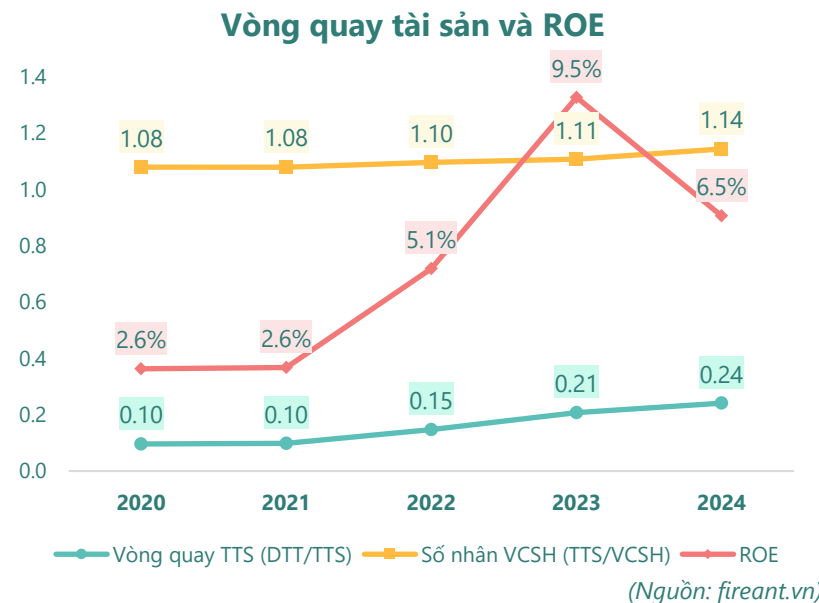
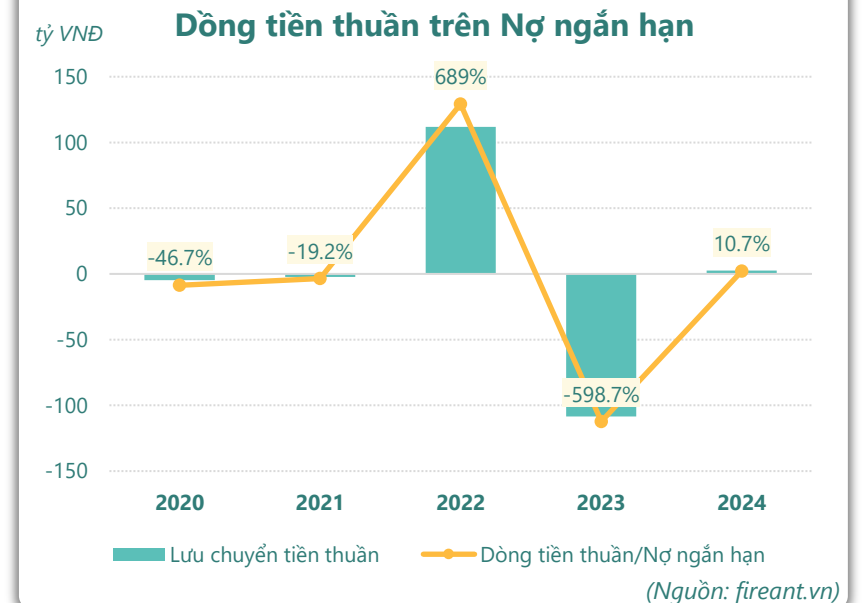
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.3	10.3	9.5%	35.8	31.2	14.7%
Giá vốn hàng bán	6.34	5.90	7.5%	19.0	17.6	8.0%
Lợi nhuận gộp	4.93	4.45	10.8%	16.8	13.6	23.3%
Doanh thu HĐTC	2.99	1.25	140%	5.98	4.56	31.1%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0.00	87.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.74	2.37	15.7%	8.21	6.92	18.8%
LN thuần từ HĐKD	5.18	3.33	55.6%	14.6	11.3	29.3%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.05	-0.04	-17.1%
LN trước thuế	5.18	3.33	55.4%	14.5	11.2	29.3%
Lợi nhuận sau thuế	4.13	2.65	55.9%	11.6	8.96	29.4%
LNST của CĐ cty mẹ	4.13	2.65	55.9%	11.6	8.96	29.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.57	59.2	2.62	-0.37	4.77	-0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	0.22	0.05	0.21	0.06	0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-57.3	0	0	0	-8.44
Tiền đầu kỳ	3.39	1.90	4.00	6.67	6.51	11.3
Lưu chuyển tiền thuần	-1.49	2.09	2.67	-0.16	4.83	-8.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0.00	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	1.90	4.00	6.67	6.51	11.3	2.86

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	170	166	2.8%
Tài sản ngắn hạn	145	139	4.4%
Tiền và tương đương tiền	2.86	6.67	-57.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	138	128	7.8%
Phải thu ngắn hạn	3.45	3.74	-7.7%
Hàng tồn kho	0.38	0.33	17.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.76	18.6%
Tài sản dài hạn	25.1	26.6	-5.7%
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Tài sản cố định	23.5	25.0	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.79	0.80	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.7	26.6	11.7%
Nợ ngắn hạn	28.3	24.1	17.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.38	0.55	-32.1%
Nợ dài hạn	1.46	2.48	-41.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	141	139	1.1%
Vốn chủ sở hữu	141	139	1.1%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

